

UBND XÃ HUNG NGUYỄN
HĐ GPMB DỰ ÁN CAO TỐC VINH - THANH THỦY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB DỰ ÁN: DỰ ÁN THÀNH PHẦN 2 THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC VINH - THANH THỦY, TẠI XÃ HUNG NGUYỄN TỈNH NGHỆ AN.

(Kèm theo Thông báo niêm yết công khai ngày tháng năm 2026 của HĐ GPMB dự án đường bộ cao tốc Vinh - Thanh thủy.)

STT	Họ và tên	Xóm	Số CCCD	Số thửa	Số nhân khẩu	Số tháng được hỗ trợ	Diện tích thửa đất	Diện tích thu hồi	Tổng giá trị bồi thường	Bồ thường		Hỗ trợ	
										Đất nông nghiệp	Cây cối hoa màu	Chuyển đổi nghề nghiệp	Ôn định đời sống (F*30*1500 0*G)
1	Bùi Thị Xuân	Hạ Khê	.040161018125	2268	4	12	604,9	604,9	157.067.355	43.825.005	3.992.340	87.650.010	21.600.000
2	Cao Đức Ái	Hạ Khê	.040054007701	2243	2	6	603	603	145.841.850	43.687.350	3.979.800	87.374.700	10.800.000
3	Cao Đức Vinh	Hạ Khê	.040169014150	1028	3	12	1.965,4	1.322,7	312.418.665	95.829.615	8.729.820	191.659.230	16.200.000
4	Cao Thị Hoài Danh Tặng cho Võ Văn Long	Hạ Khê	.040082021421	2289	4	3	928,2	233	57.580.350	16.880.850	1.537.800	33.761.700	5.400.000
5	Cao Thị Hoài Danh (Liệu)	Hạ Khê	.040155006204	2362	1		1.010,0	189	43.676.550	13.693.050	1.247.400	27.386.100	1.350.000
6	Cao Thị Lan	Hạ Khê	.040153008730	2542	1	6	1.077,1	1.077,1	243.916.545	78.035.895	7.108.860	156.071.790	2.700.000
7	Đặng Hồng Thái	Hạ Khê	.040151005860	973	7	6	907,5	907,5	222.134.625	65.748.375	5.989.500	131.496.750	18.900.000
8	Đình Văn Công	Hạ Khê	.040059010233	986	2	4	335,2	335,2	78.668.040	24.285.240	2.212.320	48.570.480	3.600.000
9	Đình Văn Lam	Hạ Khê	.040070026116	959	4	6	1.151,5	1.151,5	268.678.425	83.426.175	7.599.900	166.852.350	10.800.000
10	Đình Hồng Linh	Hạ Khê	.040065015810	2419	4	3	323,2	323,2	77.780.640	23.415.840	2.133.120	46.831.680	5.400.000
11	Đình Thị Nguyệt	Hạ Khê	.040168026460	2688	6	3	1.182,2	13,2	11.056.140	956.340	87.120	1.912.680	8.100.000
12	Đoàn Phạm Bình	Hạ Khê	.040056015516	929	9	6	1.230,0	1.230,0	299.758.500	89.113.500	8.118.000	178.227.000	24.300.000
13	Đoàn Phạm Bình	Hạ Khê		2348			905,3	404,2	90.520.590	29.284.290	2.667.720	58.568.580	-
14	Đoàn Phạm Hải	Hạ Khê	.040062023789	970	6	3	385,6	385,6	94.455.120	27.936.720	2.544.960	55.873.440	8.100.000
15	Đoàn Phạm Thành	Hạ Khê	.040047006817	3152	6	3	1.036,1	0,5	8.211.975	36.225	3.300	72.450	8.100.000
16	Lê Thị Hồng	Hạ Khê	.040154006582	2302	5	3	249,9	249,9	62.715.105	18.105.255	1.649.340	36.210.510	6.750.000
17	Lê Thị Huân	Hạ Khê	.040146005060	2319	5	4	797,4	382,6	94.683.270	27.719.370	2.525.160	55.438.740	9.000.000
18	Ngô Xuân Cường	Hạ Khê	.040064007863	989	4	4	363,0	363,0	88.493.850	26.299.350	2.395.800	52.598.700	7.200.000
19	Ngô Xuân Hoà	Hạ Khê	.040056010241	944	3	6	289,6	289,6	72.955.920	20.981.520	1.911.360	41.963.040	8.100.000
20	Nguyễn Đăng Minh	Hạ Khê	.040042004696	967	2	6	214,1	214,1	53.347.695	15.511.545	1.413.060	31.023.090	5.400.000
21	Nguyễn Đăng Minh	Hạ Khê		988			300,0	300,0	67.185.000	21.735.000	1.980.000	43.470.000	-
22	Nguyễn Hoàng Cường	Hạ Khê	.040076030974	943	6	3	847,6	296,7	74.545.965	21.495.915	1.958.220	42.991.830	8.100.000

23	Nguyễn Hoàng Hùng	Hạ Khê	.040074024714	940	10	5	310,8	310,8	92.103.660	22.517.460	2.051.280	45.034.920	22.500.000
24	Nguyễn Mạnh Hùng	Hạ Khê		1036	4	12	730,7	730,7	185.240.265	52.939.215	4.822.620	105.878.430	21.600.000
25	Nguyễn Mạnh Hùng	Hạ Khê	.040082023411	2631			712,3	610,4	136.699.080	44.223.480	4.028.640	88.446.960	-
26	Nguyễn Sỹ Danh	Hạ Khê		933	4	4	338,7	338,7	83.051.865	24.538.815	2.235.420	49.077.630	7.200.000
27	Nguyễn Sỹ Danh	Hạ Khê		1129			263,4	263,4	58.988.430	19.083.330	1.738.440	38.166.660	-
28	Nguyễn Thị Chiên (Biên)	Hạ Khê	.040163011605	2589	4	12	1.654,4	1.654,4	392.102.880	119.861.280	10.919.040	239.722.560	21.600.000
29	Nguyễn Thị Chuyên	Hạ Khê	.040157016470	977	5	12	537,8	537,8	147.440.310	38.963.610	3.549.480	77.927.220	27.000.000
30	Nguyễn Thị Hoa	Hạ Khê	.040160011698	958	2	5	958,2	775,3	178.128.435	56.170.485	5.116.980	112.340.970	4.500.000
31	Nguyễn Thị Hương	Hạ Khê	.040164015941	2641	3	12	1.461,6	1.461,6	343.525.320	105.892.920	9.646.560	211.785.840	16.200.000
32	Nguyễn Thị Năng	Hạ Khê	.040163017706	1039	5	12	754,2	754,2	195.903.090	54.641.790	4.977.720	109.283.580	27.000.000
33	Nguyễn Thị Tuyết	Hạ Khê	.040150016346	975	2	4	239,8	239,8	57.303.210	17.373.510	1.582.680	34.747.020	3.600.000
34	Nguyễn Thị Vinh	Hạ Khê	.040148008690	932	1	3	2.060,4	104,8	24.819.960	7.592.760	691.680	15.185.520	1.350.000
35	Nguyễn Trường Sơn	Hạ Khê	.040061008127	950	7	3	1.113,5	261,9	68.102.505	18.974.655	1.728.540	37.949.310	9.450.000
36	Nguyễn Văn Cường	Hạ Khê	.040060012473	934	10	4	439,0	439,0	116.314.050	31.805.550	2.897.400	63.611.100	18.000.000
37	Nguyễn Văn Hùng	Hạ Khê	.040075023346	2650	4	12	623,3	426,4	117.092.280	30.892.680	2.814.240	61.785.360	21.600.000
38	Nguyễn Văn Lý (Loan)	Hạ Khê	.040074013206	1210	5	6	1.164,6	1.164,6	274.312.170	84.375.270	7.686.360	168.750.540	13.500.000
39	Nguyễn Việt Thăng (Đông)	Hạ Khê	.040060024097	968	2	4	447,0	447	103.705.650	32.385.150	2.950.200	64.770.300	3.600.000
40	Nguyễn Xuân Thái (Liên)	Hạ Khê	.040154011386	2646	3	6	884,5	884,5	206.183.775	64.082.025	5.837.700	128.164.050	8.100.000
41	Nguyễn Xuân Sơn (Hồng)	Hạ Khê		1005	2	6	3.041,8	2.760,9	623.703.555	200.027.205	18.221.940	400.054.410	5.400.000
42	Nguyễn Xuân Sơn (Hồng)	Hạ Khê	.040158009277	2487			1.725,2	154,4	34.577.880	11.186.280	1.019.040	22.372.560	-
43	Nguyễn Anh Thái	Hạ Khê	.040058016908	2604	8	6	837,5	837,5	209.158.125	60.676.875	5.527.500	121.353.750	21.600.000
44	Phạm Đình Hải Tặng cho Phạm Đình Hưng	Hạ Khê	.040188012836	966	5	3	280,0	280	69.456.000	20.286.000	1.848.000	40.572.000	6.750.000
45	Phạm Ngọc Loan (Hường)	Hạ Khê	.040050006869	1031	2	3	723,9	44,2	12.598.590	3.202.290	291.720	6.404.580	2.700.000
46	Phạm Thị Học	Hạ Khê	.040063026665	2619	6	12	828,4	828,4	217.920.180	60.017.580	5.467.440	120.035.160	32.400.000
47	Phan Văn Việt	Hạ Khê		938	3	5	285,5	285,5	70.687.725	20.684.475	1.884.300	41.368.950	6.750.000
48	Phan Văn Việt	Hạ Khê		953			695,8	118,1	26.448.495	8.556.345	779.460	17.112.690	-
49	Phan Văn Việt	Hạ Khê	.040064032944	963			470,0	17,9	4.008.705	1.296.855	118.140	2.593.710	-
50	Phan Văn Trung	Hạ Khê	.040054006714	2784	2	4	254,7	254,7	60.640.065	18.453.015	1.681.020	36.906.030	3.600.000
51	Phùng Nga Văn	Hạ Khê	.040064021649	2218	3	4	869,5	246,7	60.648.465	17.873.415	1.628.220	35.746.830	5.400.000
52	Phùng Văn Minh	Hạ Khê	.040174007721	954	5	6	973,9	973,9	231.604.905	70.559.055	6.427.740	141.118.110	13.500.000
53	Tạ Xuân Hùng cho con gái Tạ Thị Hoài Thanh	Hạ Khê	.040183032438	2632	6	3	790,2	288,8	72.776.760	20.923.560	1.906.080	41.847.120	8.100.000
54	Trần Bình Trọng	Hạ Khê	.040068036235	2696	3	6	916,8	618,7	146.657.865	44.824.815	4.083.420	89.649.630	8.100.000
55	Trần Đức Việt (Lý)	Hạ Khê	.040078013351	2574	3	6	757,0	757	177.630.150	54.844.650	4.996.200	109.689.300	8.100.000

56	Trần Thị Hòa (Hiện)	Hạ Khê	.040162020178	965	2	3	183,8	183,8	43.862.010	13.316.310	1.213.080	26.632.620	2.700.000
57	Trần Thị Hòa (Trung)	Hạ Khê	.0401514005598	2467	6	3	2.942,3	47,7	19.230.795	3.455.865	763.200	6.911.730	8.100.000
58	Trần Thị Phương	Hạ Khê	.040176014925	1012	5	4	448,0	448,0	109.329.600	32.457.600	2.956.800	64.915.200	9.000.000
59	Trần Trung Hiếu	Hạ Khê	.040070000743	2593	5	4	475,4	139,1	40.151.445	10.077.795	918.060	20.155.590	9.000.000
60	Trần Văn Dần (Tuyết)	Hạ Khê	.040156016515	981	15	4	531,8	531,8	146.096.610	38.528.910	3.509.880	77.057.820	27.000.000
61	Trần Văn Toàn	Hạ Khê		2310	4	5	1.040,3	586,7	140.391.465	42.506.415	3.872.220	85.012.830	9.000.000
62	Trần Văn Toàn	Hạ Khê	.040076021325	2368			499,3	54,6	12.227.670	3.955.770	360.360	7.911.540	-
63	Võ Văn Minh	Hạ Khê	.040065015604	2565	5	5	1.160,5	407,6	102.532.020	29.530.620	2.690.160	59.061.240	11.250.000
64	Cao Văn Cường	Đại Huệ	.040174033551	1100	6	3	202,2	45	18.177.750	3.260.250	297.000	6.520.500	8.100.000
65	Cao Văn Đức (Hiện)	Đại Huệ		1138	6	5	315,7	76,5	30.632.175	5.542.425	504.900	11.084.850	13.500.000
66	Cao Văn Đức (Hiện)	Đại Huệ	.040058021267	1158			1.806,8	695,4	155.734.830	50.381.730	4.589.640	100.763.460	-
67	Cao Minh Thành	Đại Huệ		1145	3	4	323,2	181,7	46.091.715	13.164.165	1.199.220	26.328.330	5.400.000
68	Cao Minh Thành	Đại Huệ		1180			800,6	508,8	113.945.760	36.862.560	3.358.080	73.725.120	-
69	Đỗ Văn Tân	Đại Huệ	.040062023734	1175	6	6	6.485,9	4.402,2	#####	318.939.390	29.054.520	637.878.780	16.200.000
70	Hà Thị Khánh	Đại Huệ		1054	-	-	663,0	663	148.478.850	48.034.350	4.375.800	96.068.700	-
71	Hoàng Nghĩa Hằng	Đại Huệ		1037	4	6	1.988,5	722,3	172.559.085	52.330.635	4.767.180	104.661.270	10.800.000
72	Hoàng Nghĩa Hợp (Yến)	Đại Huệ	.040077022526	1111	4	3	295,9	132,8	35.140.560	9.621.360	876.480	19.242.720	5.400.000
73	Hoàng Nghĩa Thân (Tùng)	Đại Huệ		2681	6	6	1.032,3	1.032,3	247.383.585	74.790.135	6.813.180	149.580.270	16.200.000
74	Hoàng Nghĩa Thân (Tùng)	Đại Huệ	.040017009022	2745			735,3	118,6	26.560.470	8.592.570	782.760	17.185.140	-
75	Hoàng Thị Hồng	Đại Huệ	.040173018620	2739	5	5	999,3	668,4	160.938.180	48.425.580	4.411.440	96.851.160	11.250.000
76	Hoàng Văn Hiền	Đại Huệ		1002	4	3	1.498,9	78	22.868.100	5.651.100	514.800	11.302.200	5.400.000
77	Hoàng Văn Hiền	Đại Huệ	.040083011458	1016			754,9	174	38.967.300	12.606.300	1.148.400	25.212.600	-
78	Hoàng Văn Hợp	Đại Huệ		1000	4	4	1.972	863,7	200.625.615	62.575.065	5.700.420	125.150.130	7.200.000
79	Hoàng Văn Hợp	Đại Huệ	.040073020659	1011			1.993,7	3,4	761.430	246.330	22.440	492.660	-
80	Hoàng Nghĩa Oanh	Đại Huệ	.040075016364	2664	5	6	1.115,8	1.115,8	263.383.410	80.839.710	7.364.280	161.679.420	13.500.000
81	Hoàng Văn Phương	Đại Huệ	.040059014727	2262	5	4	374,9	251,3	65.278.635	18.206.685	1.658.580	36.413.370	9.000.000
82	Hoàng Thị Tân	Đại Huệ	.040154005395	1035	8	4	1.334	748,7	182.071.365	54.243.315	4.941.420	108.486.630	14.400.000
83	Lý Văn Hải	Đại Huệ	.040064038504	2733	10	3	527,1	236,0	66.352.200	17.098.200	1.557.600	34.196.400	13.500.000
84	Lê Minh Thức	Đại Huệ	.040164015920	1201	8	3	4.661,5	10,2	13.084.290	738.990	67.320	1.477.980	10.800.000
85	Ngô Xuân Hân	Đại Huệ	.040056009542	2732	3	5	1.266	1.044,9	240.755.355	75.703.005	6.896.340	151.406.010	6.750.000
86	Nguyễn Bá Minh	Đại Huệ	.040173011580	1095	9	6	1.420,8	1.420,8	342.488.160	102.936.960	9.377.280	205.873.920	24.300.000

87	Nguyễn Đình Ái	Đại Huê	.040080027793	1183	5	12	2.356,8	1.973,5	468.965.325	142.980.075	13.025.100	285.960.150	27.000.000
88	Nguyễn Duy Chất	Đại Huê		2701	6	5	416,7	416,7	106.819.965	30.189.915	2.750.220	60.379.830	13.500.000
89	Nguyễn Duy Dung	Đại Huê	.040049004053	3068	5	12	4.175,5	4.175,5	962.103.225	302.514.975	27.558.300	605.029.950	27.000.000
90	Nguyễn Ngọc Nào	Đại Huê	.040171025587	1152	9	6	708	708	182.856.600	51.294.600	4.672.800	102.589.200	24.300.000
91	Nguyễn Quốc Thái	Đại Huê	.040059014747	1050	6	5	853,1	853,1	204.551.745	61.807.095	5.630.460	123.614.190	13.500.000
92	Nguyễn Quốc Thân	Đại Huê	.040070028473	980	4	3	1.156,2	270,8	66.045.660	19.619.460	1.787.280	39.238.920	5.400.000
93	Nguyễn Quang Văn	Đại Huê		2672	4	6	859,3	859,3	203.240.235	62.256.285	5.671.380	124.512.570	10.800.000
94	Nguyễn Quang Văn	Đại Huê	.040066023199	2720			757,1	521,2	116.722.740	37.760.940	3.439.920	75.521.880	-
95	Nguyễn Văn Quyết (Hồng)	Đại Huê		1052	6	3	857,3	175,2	47.336.040	12.693.240	1.156.320	25.386.480	8.100.000
96	Nguyễn Văn Quyết (Hồng)	Đại Huê	.040073012563	1053			567,2	24,9	5.576.355	1.804.005	164.340	3.608.010	-
97	Nguyễn Văn Việt	Đại Huê		1098	4	3	1.105,9	49,7	16.530.315	3.600.765	328.020	7.201.530	5.400.000
98	Nguyễn Văn Việt	Đại Huê	.040171019773	1132			317,0	155,8	34.891.410	11.287.710	1.028.280	22.575.420	-
99	Nguyễn Văn Vinh (Lý)	Đại Huê	.040059017720	1043	9	4	1.620,2	417,4	109.676.730	30.240.630	2.754.840	60.481.260	16.200.000
100	Nguyễn Trung Tiến	Đại Huê	.040052008245	1139	7	6	4.048,7	2.669,3	616.689.735	193.390.785	17.617.380	386.781.570	18.900.000
101	Nguyễn Thị Châu (Thìn)	Đại Huê		993	3	6	594,5	594,5	141.238.275	43.071.525	3.923.700	86.143.050	8.100.000
102	Nguyễn Thị Châu (Thìn)	Đại Huê	.040154006279	999			909,2	909,2	203.615.340	65.871.540	6.000.720	131.743.080	-
103	Nguyễn Thị Châu (Hồng)	Đại Huê		2687	7	12	1.530,6	1.410,7	353.726.265	102.205.215	9.310.620	204.410.430	37.800.000
104	Nguyễn Thị Châu (Hồng)	Đại Huê	.04014407735	2717			2.806	2.806	628.403.700	203.294.700	18.519.600	406.589.400	-
105	Nguyễn Thị Dũng chết (Đồng Thừa Kế)	Đại Huê	.04008030698	2691			764,8	764,8	171.276.960	55.409.760	5.047.680	110.819.520	-
106	Nguyễn Thị Khiển	Đại Huê		2654	6	6	1.017,9	906,8	219.277.860	65.697.660	5.984.880	131.395.320	16.200.000
107	Nguyễn Thị Khiển	Đại Huê	.038148011461	2674			404,8	404,8	90.654.960	29.327.760	2.671.680	58.655.520	-
108	Nguyễn Thị Lan	Đại Huê	.040167030883	1070	2	12	1.110,8	346,9	88.488.255	25.132.905	2.289.540	50.265.810	10.800.000
109	Nguyễn Thị Liên	Đại Huê		1046	7	6	1.426,3	1.426,3	338.319.885	103.335.435	9.413.580	206.670.870	18.900.000
110	Nguyễn Thị Liên	Đại Huê	.040165009731	1109			152,4	64,2	14.377.590	4.651.290	423.720	9.302.580	-
111	Nguyễn Thị Long	Đại Huê		1086	2	6	1.171,5	284,3	69.068.985	20.597.535	1.876.380	41.195.070	5.400.000
112	Nguyễn Thị Long	Đại Huê		2705			393,9	393,9	88.213.905	28.538.055	2.599.740	57.076.110	-
113	Nguyễn Thị Long	Đại Huê	.040132004755	2715			855,3	855,3	191.544.435	61.966.485	5.644.980	123.932.970	-
114	Nguyễn Thị Nhâm	Đại Huê		1155	3	5	979,8	486,8	115.768.860	35.268.660	3.212.880	70.537.320	6.750.000
115	Nguyễn Thị Nhâm	Hạ Khê	.04014801249	1147			1.665,0	99,4	22.260.630	7.201.530	656.040	14.403.060	-

116	Nguyễn Thị Sum	Đại Huê		1127	5	4	287,5	123,8	36.725.010	8.969.310	817.080	17.938.620	9.000.000
117	Nguyễn Trung Đông	Đại Huê		1055	6	6	2.786,2	1.212,4	287.716.980	87.838.380	8.001.840	175.676.760	16.200.000
118	Nguyễn Trung Đông	Đại Huê	.040062017078	1128			2.567,8	649,9	145.545.105	47.085.255	4.289.340	94.170.510	-
119	Nguyễn Trung Đông (cho con Nguyễn Đình Tuấn)	Đại Huê	0,04009203	1072	3		1.016,9	686,3	161.796.885	49.722.435	4.529.580	99.444.870	8.100.000
120	Nguyễn Văn Cầu	Đại Huê	.040058013939	1102	7	5	912,8	912,8	220.171.560	66.132.360	6.024.480	132.264.720	15.750.000
121	Nguyễn Văn Chinh	Đại Huê	.040086039658	2683	4	6	506,1	506,1	124.141.095	36.666.945	3.340.260	73.333.890	10.800.000
122	Nguyễn Văn Thắng	Đại Huê	.040058024362	1141	7	3	238,3	238,3	62.817.285	17.264.835	1.572.780	34.529.670	9.450.000
123	Nguyễn Văn Thu (Cho con Nguyễn Thành Trung)	Đại Huê	.040086024533	1039	3	6	1.039,6	779,6	182.691.420	56.482.020	5.145.360	112.964.040	8.100.000
124	Nguyễn Văn Thu	Đại Huê	.040061010698	1075	3		857,9	662,5	156.466.875	47.998.125	4.372.500	95.996.250	8.100.000
125	Nguyễn Văn Tường	Đại Huê	.040078020458	2729	4	5	1.574,4	659,1	156.605.445	47.751.795	4.350.060	95.503.590	9.000.000
126	Nguyễn Xuân Hòa	Đại Huê		1079	8	6	1.042,0	26,7	27.579.465	1.934.415	176.220	3.868.830	21.600.000
127	Nguyễn Xuân Hòa	Đại Huê		2676			736,1	736,1	164.849.595	53.330.445	4.858.260	106.660.890	-
128	Nguyễn Xuân Hòa	Đại Huê	.040081020404	2723			1.100,8	1.100,8	246.524.160	79.752.960	7.265.280	159.505.920	-
129	Phạm Đình Tiến	Đại Huê	.040066022231	1085	3	5	814,5	115,8	32.683.410	8.389.710	764.280	16.779.420	6.750.000
130	Phạm Viết Sứ	Đại Huê	.040047008962	1060	5	3	776,7	37,5	15.148.125	2.716.875	247.500	5.433.750	6.750.000
131	Phạm Thị Lan	Đại Huê	.040142005725	1082	6	6	1.355,9	1.355,9	319.853.805	98.234.955	8.948.940	196.469.910	16.200.000
132	Phan Thị Mai	Đại Huê	.040154015153	1049	2	6	1.862,6	951,4	218.466.030	68.928.930	6.279.240	137.857.860	5.400.000
133	Tạ Quang Phúc	Hạ Khê	.040074024979	1047	6	3	684,4	115,6	33.988.620	8.375.220	762.960	16.750.440	8.100.000
134	Trần Hữu Cả	Đại Huê	.040155007601	1079	3	4	836,8	611,6	142.367.820	44.310.420	4.036.560	88.620.840	5.400.000
135	Trần Thị Châu cho con (Hoàng Thị Hà)	Đại Huê	.040174034024	1069	5	6	1.501,7	1.046,7	247.908.465	75.833.415	6.908.220	151.666.830	13.500.000
136	Trần Thị Châu cho con (Hoàng Nghĩa Hải))	Đại Huê	.040083013432	1209	3		2.944,9	1.362,7	313.276.665	98.727.615	8.993.820	197.455.230	8.100.000
137	Trần Thị Sen	Đại Huê	.040148006193	1131	9	12	1.537,8	1.537,8	392.990.310	111.413.610	10.149.480	222.827.220	48.600.000
138	Trương Công Tài	Đại Huê	.040079027863	2690	4	5	857,1	857,1	200.947.545	62.096.895	5.656.860	124.193.790	9.000.000
139	Võ Công Hòa	Đại Huê		2666	7	6	651,5	651,5	164.803.425	47.201.175	4.299.900	94.402.350	18.900.000

140	Võ Công Hòa	Đại Huệ	.040046002898	2708			791,9	791,9	177.346.005	57.373.155	5.226.540	114.746.310	-
-----	-------------	---------	---------------	------	--	--	-------	-------	-------------	------------	-----------	-------------	---